TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: **221**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2026/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Dương Đình C, sinh năm 1994

Bị đơn: Chị Ngần Thị T, sinh năm 2000

Cùng nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 04 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày ngày 16 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Dương Đình C và chị Ngần Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Đình C và chị Ngần Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Anh Dương Đình C và chị Ngần Thị T thoả thuận: Anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương Gia B, sinh ngày 22/7/2020 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh C và chị T tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung: Không có.

2.4 Về công nợ chung: Không có

2.5 Về án phí: Anh Dương Đình C tự nguyện chịu 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001240 ngày 30/3/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Thái Nguyên. Hoàn trả cho Anh Dương Đình C 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-TAND tỉnh Thái Nguyên;
-VKSND khu vực 1 – Thái Nguyên;
- Phòng THADS KV1- Thái Nguyên;
- UBND xã Tân Khánh;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Sái Đức Trung